

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 08/2017/DS-ST

Ngày 06-9-2017

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Tâm.

Bà Trương Thị Tất.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương
tham gia phiên tòa:** Ông Trần Duy Tôn – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh
Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2017/TLST-DS ngày 01
tháng 6 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra
xét xử số 36/2017/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Địa chỉ: phố C, phường C, quận E, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Võ Thị Kiều O, sinh năm 1995,
địa chỉ: khu phố T, phường G, thị xã H, tỉnh Bình Dương; Chức vụ: nhân viên, là
người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 10/5/2017), có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1982, vắng mặt (có đơn xin vắng
mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã J, huyện B, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy
quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A trình bày:

Ngày 04/7/2014, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (sau đây gọi tắt là M)
và bà Nguyễn Thị Thúy L có ký hợp đồng tín dụng số 20140713-500000-00030,

theo hợp đồng tín dụng thì M cho bà Nguyễn Thị Thúy L vay số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), cộng với phí bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân do bên vay là bà L phải mua là 1.000.000 đồng thì tổng số tiền vay là 21.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, mục đích vay là để tiêu dùng cá nhân, lãi suất vay 3,75%/tháng. Tính cả lãi và gốc thì tổng số tiền bà L phải trả là 32.206.000 đồng (ba mươi hai triệu hai trăm lẻ sáu nghìn đồng), phương thức trả nợ hàng tháng là bà L phải trả số tiền là 1.343.000 đồng (một triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn đồng) và tháng cuối cùng phải trả 1.317.000 đồng (một triệu ba trăm mười bảy nghìn đồng), thanh toán vào ngày 15 hàng tháng. Thời gian trả bắt đầu từ ngày 15/8/2014.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà L đã thanh toán cho M được 07 kỳ với số tiền là 9.401.000 đồng (chín triệu bốn trăm lẻ một nghìn đồng). Từ ngày 27/04/2015 đến nay bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo cam kết. Do vậy, M khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thúy L phải thanh toán cho M số tiền nợ là 16.645.657 đồng (mười sáu triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm năm mươi bảy đồng), yêu cầu thanh toán một lần. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm: đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kèm hợp đồng tín dụng giữa M với bà Nguyễn Thị Thúy L số 20140713-500000-00030 ngày 04/7/2014, văn bản phê duyệt của M, phiếu giải ngân.

Tại biên bản tự khai tại Tòa án; biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải bà Nguyễn Thị Thúy L trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thúy L thống nhất có ký hợp đồng tín dụng số 20140713-500000-00030 ngày 04/7/2014, thống nhất về số tiền vay, nội dung hợp đồng, tổng số tiền phải trả nợ, phương thức trả nợ. Bà L thừa nhận chỉ trả cho M 07 kỳ với số tiền là 9.401.000 đồng (chín triệu bốn trăm lẻ một nghìn đồng), từ ngày 25/5/2015 đến nay bà L không thanh toán theo thỏa thuận. Trước yêu cầu của M, bà L đồng ý trả cho M số tiền còn nợ là 16.645.657 đồng (mười sáu triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm năm mươi bảy đồng). Do điều kiện khó khăn nên bà L yêu cầu được thanh toán dần cho M mỗi tháng 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) cho đến khi thanh toán hết số tiền còn nợ.

Tại phiên tòa: nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: giữa bà L và M có ký hợp đồng tín dụng số 20140713-500000-00030 ngày 04/7/2014, bà L thừa nhận trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà L có vi phạm nghĩa vụ thanh toán và còn nợ M số tiền 16.645.657 đồng (mười sáu triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm năm mươi bảy đồng). Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[2] Về tố tụng: M khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thúy L trả số tiền 16.645.657 đồng (mười sáu triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm năm mươi bảy đồng) theo hợp đồng tín dụng số 20140713-500000-00030 ngày 04/7/2014 nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bà Nguyễn Thị Thúy L có nơi cư trú tại ấp B, xã J, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: hợp đồng tín dụng số 20140713-500000-00030 ngày 04/7/2014 được ký kết giữa M và bà Nguyễn Thị Thúy L là hợp pháp. Bà Nguyễn Thị Thúy L thừa nhận đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và bà L xác nhận còn nợ M số tiền 16.645.657 đồng (mười sáu triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm năm mươi bảy đồng), đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, M khởi kiện yêu cầu bà L phải thanh toán số tiền còn nợ là 16.645.657 đồng (mười sáu triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm năm mươi bảy đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[4] Bà Nguyễn Thị Thúy L yêu cầu được thanh toán dần số tiền còn nợ vì hoàn cảnh khó khăn. Xét, theo quy định tại điểm 1, Mục III của Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của TANDTC - VKSNDTC - Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản, qui định “Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có qui định khác”. Trong vụ án này, nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất số nợ mà bị đơn còn nợ nguyên đơn, nhưng các đương sự không thống nhất được với nhau

về cách thanh toán, thời gian thanh toán. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận đề nghị của bà L là thanh toán dần số tiền còn nợ cho M.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 4, Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 ;

Căn cứ Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

Căn cứ vào Quyết định 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng;

Căn cứ vào Quyết định số 783/2005/QĐ-NHNN, ngày 31 tháng 5 năm 2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03 tháng 02 năm 2005;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy L.

Buộc bà Nguyễn Thị Thúy L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền 16.645.657 đồng (mười sáu triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm năm mươi bảy đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thúy L phải chịu 832.282 đồng (tám trăm ba mươi hai nghìn hai trăm tám mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền 416.500 đồng (bốn trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002439 ngày 24 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Minh Thảo